

Số: 2333/ĐA.SNN

Nghệ An, ngày 9 tháng 8 năm 2019

ĐỀ ÁN
TỔ CHỨC SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP VỤ ĐÔNG 2019

Phần thứ nhất
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ SẢN XUẤT VỤ ĐÔNG 2018, TÌNH HÌNH SẢN XUẤT VỤ HÈ THU – MÙA 2019

I. KẾT QUẢ SẢN XUẤT MỘT SỐ CÂY TRỒNG CHÍNH VỤ ĐÔNG 2018

Sản xuất vụ Đông 2018 diễn ra trong điều kiện thời tiết tương đối thuận lợi. Được sự quan tâm chỉ đạo của UBND tỉnh, Ngành nông nghiệp cùng cấp ủy chính quyền các địa phương đã tập trung chỉ đạo, hướng dẫn, khuyến cáo bà con nông dân áp dụng các biện pháp kỹ thuật và chuyển đổi cây trồng theo hướng có giá trị cao nên sản xuất vụ Đông 2018 đã đạt được kết quả đáng ghi nhận như sau:

1.1. Kết quả đạt được (chi tiết tại phụ lục 1a, 1b)

- Toàn tỉnh đã gieo trồng được 34.103,5 ha diện tích cây trồng vụ Đông các loại. Trong đó diện tích ngô: 18.767,3 ha (ngô trên đất 2 vụ lúa là 2.756,5 ha), cây lạc: 1.359,6 ha, cây khoai lang: 1.712,0 ha, cây rau các loại: 12.264,6 ha.

- Năng suất các loại cây trồng vụ Đông 2018 (ngô, lạc, khoai lang, rau các loại) đều tăng hơn so với vụ Đông 2017.

- Sản xuất vụ Đông ngoài việc góp phần hoàn thành chỉ tiêu sản lượng lương thực còn mang lại giá trị kinh tế 2.181.668,6 triệu đồng.

- Sản xuất vụ Đông đã có sự dịch chuyển sang canh tác theo hướng tăng giá trị sản xuất như:

+ Cây ngô: Từ việc trồng ngô lấy hạt góp phần hoàn thành chỉ tiêu lương thực hàng năm đã dịch chuyển một phần diện tích sang trồng ngô lấy bắp tươi và trồng ngô sinh khối làm thức ăn thô xanh cho gia súc (vụ Đông 2018 là 4.096,9 ha, cao hơn 700,5 ha so với vụ Đông 2017).

+ Cây rau các loại: Xu hướng phát triển theo hướng an toàn, canh tác theo quy trình VietGAP (Diện tích rau các loại được công nhận tiêu chuẩn VietGAP là 167,8 ha tại các huyện như: Nghĩa Đàn, Quỳnh Lưu, Diễn Châu, Nam Đàn, Nghi Lộc, TP Vinh,...).

- Nhiều mô hình cây trồng được đưa vào sản xuất trên diện tích lớn, hiệu quả kinh tế cao và các mô hình liên kết với các doanh nghiệp đã tạo động lực thúc đẩy phát triển sản xuất vụ Đông. (Có 25 mô hình sản xuất điển hình tại 10 huyện: Diễn Châu, Yên Thành, Quỳnh Lưu, TP Vinh, Nam Đàn, Nghi Lộc, Nghĩa Đàn, TX Thái

Hòa, Đỗ Lương, Quế Phong; Trong đó có các mô hình liên kết như trồng ngô sinh khối liên kết với tập đoàn TH True Milk ở các huyện và mô hình trồng rau an toàn tại TP Vinh liên kết với doanh nghiệp Bibi Green.) (Chi tiết tại phụ lục 1c).

1.2. Tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được thì vụ Đông 2018 còn một số tồn tại, hạn chế sau:

- Diện tích, năng suất một số loại cây trồng như ngô, lạc, khoai lang chưa đạt so với kế hoạch đề ra.
- Diện tích các cây trồng trên đất lúa ở các địa phương còn thấp so với tiềm năng.
- Diện tích thả cá vụ 3 chưa đạt so với kế hoạch đề ra và chưa tương xứng với tiềm năng (diện tích 2.094/KH 2.689 ha, đạt 77,87 %).
- Việc áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật sản xuất sản phẩm hàng hóa an toàn theo các tiêu chuẩn VietGAP, hữu cơ trên các cây rau, màu còn ít.
- Đầu ra của sản phẩm hàng hóa không ổn định. Các mô hình liên kết sản xuất, bao tiêu sản phẩm còn gặp nhiều khó khăn và chưa thực hiện được nhiều.

1.3. Nguyên nhân

1.3.1. Nguyên nhân đạt được

- Sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, Ngành nông nghiệp, cấp ủy Đảng, đoàn thể, chính quyền các địa phương trong việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch, phong trào xây dựng nông thôn mới đã và đang phát triển theo hướng nâng cao thu nhập cho người dân.
- Sở Nông nghiệp và PTNT đã ban hành kịp thời Đề án sản xuất, đưa ra các giải pháp cụ thể ngay từ đầu vụ để các địa phương triển khai thực hiện.
- Ngoài các chính sách hiện hành, nhiều địa phương cũng có chính sách hỗ trợ để khuyến khích, thúc đẩy nông dân sản xuất vụ Đông như: Yên Thành, Con Cuông, Quỳnh Lưu, ...
- Các loại vật tư (giống, phân bón, thuốc BVTV,...) được các đơn vị cung ứng đủ về số lượng và chủng loại đáp ứng kịp thời cho nhu cầu sản xuất.
- Thời tiết thuận lợi cho nhiều loại cây trồng có giá trị kinh tế cao. Nhiều nơi đã hình thành được vùng hàng hóa sản xuất tập trung, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân liên kết, thu mua đã nâng cao giá trị cũng như sức cạnh tranh trên thị trường.
- Có sự vào cuộc của một số doanh nghiệp, HTX tham gia liên kết sản xuất, thu mua, bao tiêu sản phẩm cho bà con nông dân tạo động lực thúc đẩy sản xuất vụ Đông.

1.3.2. Nguyên nhân tồn tại

- Nguyên nhân khách quan
 - + Quỹ thời gian sản xuất vụ Đông ngắn, sản phẩm mang tính thời vụ cao, phụ thuộc nhiều vào điều kiện thời tiết. Thời gian thu hoạch lúa vụ Hè Thu - Mùa năm 2018 chậm hơn (do hạn hán, mưa lụt) nên ảnh hưởng đến diện tích gieo trồng các cây vụ Đông nhất là diện tích ngô, rau trên đất lúa.
 - + Lực lượng lao động trong nông nghiệp ngày càng già hóa và đang có xu hướng chuyển dịch từ sản xuất nông nghiệp sang xây dựng, thương mại, ...

- Nguyên nhân chủ quan

+ Công tác chỉ đạo sản xuất vụ Đông của một số Cấp ủy, Chính quyền ở một số địa phương còn thiếu quyết liệt và thường xuyên nhất là cấp ủy chính quyền cấp xã một số nơi chưa thực sự quan tâm chỉ đạo, định hướng, hướng dẫn các giải pháp cụ thể nên ảnh hưởng đến phong trào cũng như kết quả chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

+ Vai trò của HTX ở một số nơi chưa thực sự phát huy hiệu quả nên chưa thúc đẩy kết nối giữa nông dân và các tổ chức, cá nhân trong việc tiêu thụ sản phẩm.

+ Cơ chế, chính sách hiện hành chưa đủ mạnh để khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư liên kết với nông dân để sản xuất và bao tiêu sản phẩm. Bên cạnh đó các tổ chức, cá nhân hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp còn hạn chế.

+ Công tác khuyến nông, tuyên truyền, hướng dẫn tiến bộ kỹ thuật, canh tác theo hướng an toàn và áp dụng của người dân vào sản xuất còn hạn chế.

+ Việc sửa chữa, bảo dưỡng hệ thống kênh cấp nước, công tác an ninh vùng nuôi, hệ thống hạ tầng chưa đảm bảo và việc dồn điền đổi thửa để hình thành vùng nuôi cá còn gặp khó khăn ảnh hưởng đến diện tích nuôi thả còn ít.

II. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT VỤ HÈ THU - MÙA 2019

2.1. Về diện tích gieo trồng đến ngày 01/8/2019

- Cây Lúa: Đến ngày 01/8/2019 toàn tỉnh gieo cấy được 88.472,2 ha lúa/KH 95.000 ha (đạt 93,13%), trong đó diện tích lúa Hè Thu 62.475 ha/KH 59.000 ha, đạt 105,9%, lúa Mùa 25.998ha/KH 36.000 ha (trong đó lúa rẫy là 8.504 ha).

- Cây Ngô: Tổng diện tích trồng 9.248,0 ha/KH 14.000 ha (đạt 66,06%).

- Cây Lạc: Tổng diện tích trồng 362,4ha/KH 1.000 ha (đạt 36,24%).

- Cây Vừng: Tổng diện tích trồng 2.846,0 ha/KH 3.200 ha (đạt 88,94%).

- Rau các loại: Tổng diện tích trồng 7.023,5 ha/KH 9.000 (đạt 78,04%).

- Đậu các loại: Tổng diện tích trồng 2.641,5 ha/KH 3.200 ha (đạt 82,55%).

2.2. Nhận xét, đánh giá

- Sản xuất vụ Hè Thu - Mùa 2019, diễn ra trong điều kiện thời tiết khắc nghiệt. Đầu vụ tuy đủ nước cho gieo cấy vụ Hè Thu nhưng sau đó đã xảy ra các đợt nắng nóng liên tục trong tháng 4, tháng 5, đặc biệt là đợt nắng nóng gay gắt kéo dài từ 04/6 đến 30/6 và 05/7- 23/7 đã làm cho lượng nước tại các hồ đập, sông suối cạn dần đến nhiều diện tích lúa và hoa màu bị hạn hán. Trong 2 tháng 6,7 nhiệt độ cao nhất phổ biến trên địa bàn tỉnh từ 37- 41⁰C, có nơi trên 42⁰C vào thời điểm một số diện tích lúa trong giai đoạn làm đồng - trở đã gây ảnh hưởng đến năng suất.

- Về tình hình sâu bệnh hại:

+ Trên cây lúa: Sâu đục thân 2 chấm: Phát sinh gây hại trên 47,5 ha trong đó diện tích nhiễm nặng 4,5 ha, diện tích nhiễm sâu tập trung tại các huyện: Hưng Nguyên, Yên Thành, Thanh Chương; Nhện gié: Phát sinh gây hại trên 24 ha tại huyện Nghi Lộc, Diễn Châu, tỷ lệ hại nơi cao 30 - 50% số dảnh; Bọ xít các loại: Phát sinh gây hại trên 22,5 ha tại huyện Thanh Chương, mật độ nơi cao 3 - 6 con/m²; Chuột: Phát sinh gây hại trên diện rộng, tổng diện tích bị chuột hại 839,5 ha, trong đó có 145 ha nhiễm nặng, 2,5 ha mất trắng (Quỳnh Lưu). Các địa phương có diện tích bị hại lớn gồm: Diễn Châu, TP.Vinh, Hưng Nguyên,...

+ Trên cây ngô: Sâu keo mùa thu: Phát sinh gây hại trên nhiều vùng trồng Ngô trong tỉnh. Tổng diện tích nhiễm sâu 1.166 ha trong đó nhiễm nặng 399,4 ha với mật độ sâu nơi cao 5 - 7 con/m², cục bộ: 15 - 20 con/m². Các đối tượng sâu bệnh hại khác như: Sâu đục thân, bệnh đốm lá, chuột,... phát sinh gây hại cục bộ.

- Trong thời gian tới các địa phương và cơ quan chuyên môn cần tập trung một số nội dung sau:

+ Tranh thủ thời tiết thuận lợi bón phân, chăm sóc để các cây trồng sinh trưởng, phát triển tốt. Đối với những diện tích lúa mùa muộn, cần bón phân tập trung, không bón lai rai để hạn chế đẻ nhánh vô hiệu.

+ Theo dõi sát sao diễn biến của sâu bệnh trên lúa Hè Thu – Mùa như: Chuột, sâu cuốn nhỏ, rầy các loại, sâu đục thân, bệnh lùn sọc đen, bệnh bạc lá,... trên đồng ruộng để phát hiện, dự tính dự báo chính xác nhằm phòng trừ kịp thời. Trên cây ngô cần chú ý đến sâu keo mùa thu gây hại.

Phần thứ hai

PHƯƠNG HƯỚNG, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU TỔ CHỨC SẢN XUẤT CÂY TRỒNG NÔNG NGHIỆP VỤ ĐÔNG NĂM 2019

I. NHẬN ĐỊNH TÌNH HÌNH SẢN XUẤT VỤ ĐÔNG 2019

1.1. Nhận định về khí tượng, thủy văn

Theo Dự báo của Đài Khí tượng – Thủy văn Bắc Trung Bộ tình hình khí tượng, thủy văn từ tháng 8 đến tháng 12 năm 2019 như sau:

a. Khí tượng:

*** Bão và Áp thấp nhiệt đới:**

Mùa bão năm 2019 trên khu vực Biển Đông đến muộn hơn so với TBNN. Dự báo số lượng bão và ATNĐ hoạt động trên khu vực Biển Đông và ảnh hưởng trực tiếp đến đất liền trong năm 2019 có khả năng ít hơn so với TBNN nhưng cần đề phòng khả năng xuất hiện của những cơn bão mạnh và có quỹ đạo phức tạp. Có khả năng xuất hiện khoảng 10 - 12 cơn bão và ATNĐ hoạt động trên khu vực Biển Đông; trong đó có khoảng 4 - 5 cơn ảnh hưởng trực tiếp đến đất liền. Từ tháng 7 đến tháng 8, có khả năng xuất hiện một số nhiễu động và hoàn lưu xoáy thuận nhiệt đới trên khu vực Bắc Biển Đông và ảnh hưởng đến các tỉnh miền Bắc; sau đó, bão và ATNĐ có khả năng ảnh hưởng chủ yếu đến khu vực Bắc và Trung Bộ.

*** Nhiệt độ, nắng nóng:**

Nhiệt độ trung bình từ tháng 7 - 10/2019 trên khu vực Bắc Trung Bộ phổ biến ở mức cao hơn TBNN cùng thời kỳ khoảng 0.5 - 1.0°C. Riêng tháng 11 - 12/2019 ở mức cao hơn so với TBNN từ 1.0 - 1.5°C.

*** Lượng mưa:**

Tổng lượng mưa tại khu vực Bắc Trung Bộ nói chung và Nghệ An nói riêng từ tháng 8 - 9/2019 cao hơn TBNN từ 10-25% (TBNN: 500 - 800mm) và từ tháng 10 đến 12/2019 ở mức xấp xỉ TBNN cùng thời kỳ (TBNN: 200 - 700 mm).

b. Thủy văn:

Trong các tháng 8 - 9/2019, dòng chảy trên các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh có xu thế tăng dần, khả năng xuất hiện 1 - 2 đợt lũ vừa và nhỏ. Lượng dòng

chảy trên các sông ở Bắc Trung Bộ phổ biến ở mức xấp xỉ và cao hơn TBNN cùng kỳ từ 10 - 15%.

Mùa lũ năm 2019 trên các sông ở khu vực Bắc Trung Bộ phù hợp với quy luật hàng năm, đỉnh lũ năm 2019 trên các sông có khả năng như sau: Các sông từ Nghệ An đến Hà Tĩnh ở mức BĐ2 - BĐ3, tương đương đỉnh lũ TBNN. Trên một số sông suối nhỏ và thượng lưu các sông vẫn có khả năng xuất hiện lũ lớn.

1.2. Thuận lợi, khó khăn trong sản xuất vụ Đông 2019

1.2.1. Thuận lợi

- Được cấp uỷ Đảng, chính quyền và các ban ngành, đoàn thể từ tỉnh đến địa phương quan tâm chỉ đạo; ngoài chính sách của tỉnh, các địa phương (huyện, xã) cũng có thêm chính sách hỗ trợ khuyến khích, chia sẻ với nông dân sản xuất vụ Đông.

- Thời tiết vụ Đông phù hợp với nhiều loại cây trồng, đặc biệt các loại rau màu có giá trị dinh dưỡng và giá trị kinh tế cao, đây là lợi thế để bà con nông dân tập trung đầu tư sản xuất hàng hoá, nâng cao thu nhập.

- Một số diện tích đất màu vụ Hè Thu - Mùa không triển khai sản xuất do hạn hán, thuận lợi cho việc gieo trồng sớm các cây vụ Đông.

- Chất lượng cuộc sống cũng như nhận thức của người dân ngày càng cao. Do đó, nhu cầu các sản phẩm chất lượng và an toàn ngày càng lớn.

- Nhiều mô hình sản xuất theo quy trình công nghệ cao, sản xuất trong nhà lưới, nhà màng đảm bảo thời vụ, tránh được rủi ro, đảm bảo chất lượng an toàn và mang lại hiệu quả cao là điều kiện thuận lợi để mở rộng diện tích sản xuất.

- Các loại vật tư giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật được các đơn vị sản xuất, cung ứng chuẩn bị đủ về số lượng và đa dạng về chủng loại; Một số doanh nghiệp có cơ chế cho nông dân vay, ứng trước giống, phân bón tạo thuận lợi cho nông dân đầu tư thâm canh.

- Một số doanh nghiệp đã quan tâm đầu tư vào nông nghiệp, chủ động liên kết với các địa phương và nông dân trong việc tiêu thụ sản phẩm, hình thành chuỗi giá trị, nâng cao hiệu quả sản xuất trồng trọt.

1.2.2. Khó khăn

- Theo nhận định của Trung tâm khí tượng thủy văn Bắc Trung Bộ, thời tiết trong vụ Đông vẫn hết sức phức tạp, khó lường (bão xuất hiện muộn hơn so với TBNN nhưng khả năng xuất hiện của những cơn bão mạnh, quỹ đạo phức tạp và khả năng ảnh hưởng chủ yếu là khu vực Bắc và Trung Bộ), trong khi hệ thống thủy lợi ở một số nơi chưa đáp ứng yêu cầu tiêu úng, do đó ảnh hưởng đến thời vụ gieo trồng cũng như tâm lý sản xuất vụ Đông.

- Việc tổ chức, chỉ đạo sản xuất vụ Đông ở một số địa phương vẫn còn thiếu quyết liệt và thường xuyên, sẽ ảnh hưởng đến việc hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Bên cạnh đó, trong thời gian tới việc sát nhập các xã, phường, thôn xóm sẽ ảnh hưởng đến công tác chỉ đạo sản xuất vụ Đông 2019.

- Đầu ra cho các sản phẩm nông nghiệp nói chung và vụ Đông nói riêng còn gặp khó khăn và thiếu ổn định; Việc áp dụng sản xuất an toàn, liên kết sản xuất theo chuỗi với sự tham gia của doanh nghiệp còn yếu và thiếu.

- Nhân lực lao động sản xuất vụ Đông thiếu, do có xu hướng chuyển dịch sang công việc khác và ngày càng già hóa, trong lúc cơ giới hoá khâu làm đất còn hạn chế, nên ảnh hưởng đến tiến độ, mở rộng diện tích sản xuất vụ Đông cũng như tiếp cận áp dụng khoa học kỹ thuật mới vào sản xuất.

- Sản xuất vụ Đông năm 2019 đang phải đối mặt với nguy cơ bị sâu keo mùa thu gây hại nặng, đây là loài dịch hại nguy hiểm, khó phòng trừ và có khả năng gây ra thiệt hại nghiêm trọng đối với sản xuất ngô. Ngoài ra, nguy cơ chuột phá hoại cũng sẽ gây hại nặng và các đối tượng cỏ dại, châu chấu, rệp, sâu xanh, sâu khoang, ... luôn tiềm ẩn phát sinh gây hại đối với cây trồng vụ Đông.

II. PHƯƠNG HƯỚNG, MỤC TIÊU

2.1. Phương hướng

- Tập trung chỉ đạo phân đầu sản xuất đạt mức cao nhất về diện tích, năng suất, sản lượng theo kế hoạch đề ra với phương châm sản xuất an toàn và phát huy mọi nguồn lực cho đầu tư phát triển sản xuất vụ Đông theo hướng sản xuất hàng hóa, có hiệu quả kinh tế cao, gia tăng giá trị sản xuất, góp phần quan trọng vào hoàn thành kế hoạch sản xuất nông nghiệp năm 2020. Trong đó, tăng cường chỉ đạo đẩy mạnh diện tích rau các loại trong vụ Đông, nhất là các cây rau mang lại giá trị cao. *(Cây ngô theo hướng lấy hạt, làm thức ăn thô xanh cho bò và thu hoạch bắp tươi. Cây rau theo hướng IPM, GAP và ứng dụng công nghệ cao đảm bảo sản phẩm sản xuất ra an toàn và truy xuất được nguồn gốc sản phẩm. Cây lạc theo hướng sản xuất giống cho vụ Xuân).*

- Đẩy mạnh liên kết giữa nông dân và doanh nghiệp trong sản xuất và bao tiêu sản phẩm nhằm nâng cao giá trị và ổn định sản xuất.

- Khuyến khích ưu tiên, tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân quan tâm đầu tư vào lĩnh vực trồng trọt ở các khâu vừa sản xuất, dịch vụ gắn với tiêu thụ sản phẩm.

2.2. Mục tiêu

Toàn tỉnh phân đầu gieo trồng trên 37.780 ha cây trồng vụ Đông các loại (Ngô, lạc, rau đậu các loại, khoai lang); 2.625 ha cá vụ 3. Trong đó, mục tiêu phân đầu về diện tích, năng suất, sản lượng của các cây trồng như sau:

TT	Loại cây trồng	Diện tích (ha)	Năng suất (tạ/ha)	Sản lượng (tấn)
1	Cây ngô	22.000,0		
	<i>Trong đó: Ngô trên đất 2 lúa</i>	<i>4.220,0</i>		
1.1	Cây ngô lấy hạt	17.000,0	45,0	76.500,0
1.2	Ngô lấy thân lá làm thức ăn cho bò	5.000,0	300,0	150.000,0
2	Cây lạc	1.400,0	21,0	2.940,0
3	Rau đậu các loại	12.500,0	145,0	181.250,0
	<i>Trong đó: Diện tích rau trên đất lúa</i>	<i>1.460,0</i>	<i>140,0</i>	<i>20.440,0</i>
4	Khoai lang	1.800,0	65,0	11.700,0
5	Khoai tây	80,0	120,0	960,0
6	Cá vụ 3	2.785,0	10,0	2.785,0

(Chỉ tiêu cụ thể cho từng huyện, thành, thị ở phần phụ lục 02 kèm theo)

III. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

3.1. Giải pháp bố trí vùng sản xuất

Căn cứ vào kế hoạch, chỉ tiêu sản xuất các cây trồng, lợi thế về điều kiện tự nhiên, vị trí địa lý và trình độ thâm canh của các địa phương để có định hướng thực hiện xây dựng kế hoạch phát triển các sản phẩm nông sản lợi thế của vùng đó gắn với thị trường tiêu thụ nhằm nâng cao giá trị thu nhập trên đơn vị diện tích.

- Đối với sản xuất trên đất 2 lúa: Bố trí trên những vùng sản xuất chủ động tưới tiêu nước nhằm sản xuất an toàn và đảm bảo thời vụ lúa Xuân năm sau. Ưu tiên sử dụng các loại cây trồng có giá trị như bầu bí, dưa chuột,... nhằm gia tăng giá trị sản xuất trên đơn vị diện tích.

- Với những vùng đất màu ven biển các huyện Nghi Lộc, Diễn Châu, Quỳnh Lưu, TX Hoàng Mai, ... nông dân có trình độ cũng như kinh nghiệm thâm canh các loại rau, củ, quả hàng hóa, cần có các giải pháp để khuyến khích mở rộng diện tích các loại rau ăn lá, lấy củ, quả an toàn theo VietGAP, hữu cơ,...

- Đối với vùng đất bãi ven sông dễ ngập lụt: các huyện Anh Sơn, Đô Lương, Thanh Chương, Tân Kỳ, ... phải căn cứ thời tiết hết mưa lụt mới tiến hành gieo trồng.

- Đối với những vùng lân cận thành phố Vinh, nơi có đường quốc lộ đi qua như: TP Vinh, Nam Đàn, Nghi Lộc, Diễn Châu, Quỳnh Lưu, ... và tự chủ được đầu ra nên phát triển thích hợp diện tích ngô nếp, ngô ngọt thu hoạch bắp tươi để bán.

- Các địa phương phối hợp tốt với Doanh nghiệp chăn nuôi bò sữa và bò thịt có kế hoạch phát triển diện tích ngô sinh khối làm thức ăn thô xanh nhằm giải quyết phần nào thời vụ trong vụ Đông cũng như công lao động sau thu hoạch.

3.2. Giải pháp về kỹ thuật

3.2.1. Bố trí cơ cấu giống và thời vụ

* Về thời vụ:

- Cây ngô:

+ Trên vùng đất cát ven biển thoát nước tốt, vùng đồi vệ, vùng lúa cao cường chuyển sang làm màu: Tranh thủ điều kiện thời tiết thuận lợi, đất đủ ẩm, ... tiến hành gieo trồng ngay và kết thúc gieo xong trước ngày 10/9.

+ Trên đất 2 lúa vùng đồng bằng ưu tiên các giống có thời gian sinh trưởng ngắn ngày và kết thúc gieo trước ngày 20/9 để đảm bảo thời vụ lúa Xuân năm sau.

+ Trên vùng đất bãi cao ven sông, suối: Đối với vùng cao không bị ngập lụt: Gieo từ ngày 20/8 - 20/9; Vùng thấp, ngập lụt dễ xảy ra: Căn cứ vào tình hình thực tế để ra giống khi hết ngập lụt và phải kết thúc gieo trồng trước ngày 30/10; Đối với những vùng gieo muộn phải sử dụng các giống có thời gian sinh trưởng ngắn.

+ Những vùng trồng ngô lấy thân lá làm thức ăn xanh cho bò có hợp đồng thu mua với các đơn vị bao tiêu sản phẩm: Sử dụng các giống ngô có sinh khối lớn, căn cứ vào hợp đồng thu mua và thời gian sinh trưởng của giống để lựa chọn thời gian gieo trồng thích hợp nhằm đảm bảo đúng tiến độ thu hoạch.

- Cây lạc Thu Đông: Gieo từ ngày 15/8 đến 05/9.

- *Các loại rau đậu khác*: Tùy từng loại cây như hành, tỏi, xu hào, cải bắp, rau ăn lá, rau lấy củ, cà chua, ... có thể trồng rải rác từ đầu tháng 9 trở đi và gieo trồng nhiều lứa/vụ.

Trên đất lúa, căn cứ vào thời gian sinh trưởng của từng loại rau để gieo trồng sao cho không ảnh hưởng đến thời vụ lúa Xuân năm sau.

- *Cây Khoai lang*: Trồng từ 10/9 - 05/10. Trên đất lúa, kết thúc trồng trước ngày 20/9 để đảm bảo lúa Xuân năm sau.

- *Cây khoai tây*: Trồng từ ngày 20/10 đến 30/10.

- *Cá ruộng lúa vụ 3*: Các địa phương chỉ đạo bà con nông dân thả giống từ ngày 01/9 đến 30/10/2019 để bảo đảm cho sản xuất lúa vụ Xuân 2020.

- *Cây ăn quả, cây công nghiệp lâu năm*: Trên cơ sở kế hoạch cả năm, các địa phương rà soát lại diện tích chưa thực hiện, chuẩn bị tốt cây giống chè, mía, cây ăn quả, cây công nghiệp dài ngày, ... tranh thủ lúc có thời tiết thuận lợi, tập trung chỉ đạo tổ chức trồng mới hoàn thành kế hoạch đề ra và chuẩn bị nhân giống phục vụ trồng mới kế hoạch 2020.

*** Về sử dụng giống:**

- *Cây ngô*:

Các địa phương căn cứ vào đặc điểm tình hình, chân đất, thời vụ, thời gian sinh trưởng giống ngô, mục tiêu sử dụng, khả năng thâm canh của địa phương mình để lựa chọn các giống ngô phù hợp nhất đưa vào cơ cấu để tập trung chỉ đạo, hướng dẫn nông dân gieo trồng đạt kết quả cao nhất.

Mỗi địa phương lựa chọn cơ cấu từ 4 - 6 loại giống với phương châm ưu tiên sử dụng các giống có tiềm năng năng suất cao, chất lượng, có khả năng chống chịu tốt với sâu bệnh đặc biệt là sâu keo mùa thu.

+ Đối với ngô trồng lấy hạt, sử dụng các giống chủ lực như: NK66, P4199, DK6919, LVN14, CP511, DK6919S, VN5885, ...

+ Đối với các giống ngô có sinh khối lớn như: NK7328, CP111, ... các địa phương liên hệ với các Công ty chăn nuôi bò sữa, bò thịt như Công ty TH true milk, Vinamilk, ... để ký hợp đồng sản xuất.

+ Ngô lấy bắp ăn tươi sử dụng các giống: HN68, ...

Ngoài ra các địa phương có thể lựa chọn các giống ngô khác đã được gieo trồng và thử nghiệm cho kết quả tốt trong thời gian qua trên địa bàn tỉnh (tại phụ lục 03) để đưa vào cơ cấu trong đề án sản xuất của địa phương mình. Đồng thời tiếp tục phối hợp với các tổ chức, cá nhân tiến hành khảo nghiệm, làm mô hình trình diễn các giống ngô mới có triển vọng khi có ý kiến cho phép của Sở Nông nghiệp và PTNT.

- *Cây lạc*: Sử dụng giống L14, L23, L26, TB 25, sen lai 75/23, TK10, L20.

- *Cây khoai lang*: Sử dụng các giống: Khoai lang KLC266, K4, Hoàng Long, KL20-209, ...

- *Cây khoai tây*: Có thể sử dụng các giống khoai tây Mariela, Solara, Diamond, KT1, KT2; KT3, Giống VT2(phải có kế hoạch chuẩn bị nguồn giống chất lượng),...

- *Các loại rau đậu*: Phải dựa trên cơ sở đất đai, nhu cầu thị trường, tập quán và kinh nghiệm canh tác để gieo trồng các loại rau đậu phù hợp. Các địa phương cần tập trung chỉ đạo mở rộng diện tích rau các loại, trong đó chú trọng phát triển các giống rau cao cấp, có giá trị cao để tăng thêm hiệu quả kinh tế. Có thể sử dụng các giống rau như:

+ *Rau cải*: Cải ngọt, cải bẹ dưa, cải bẹ mào gà, cải bó xôi, cải ngồng,....

+ *Bắp cải*: KK cross, Thúy Phong,...

+ *Súp lơ*: Mantop, Green Magic, Thanh Hoa,...

+ *Bí xanh*: Bí xanh số 1, bí xanh thiên thanh 5, Nova 209, An Điền 686,...

+ *Cà rốt*: Takii 103, Takii 108, Takii 444,...

+ *Su hào*: Worldcol B52, Winner

+ *Cà chua*: Savior, VT10, NH 2764, C95, Tre việt 10,...

+ *Dưa chuột*: PC4, Hoa sen 636, Hoa sen 639, Xuân Yển,...

Mở rộng diện tích rau an toàn, ưu tiên hỗ trợ xây dựng thương hiệu các vùng rau làm hàng hóa. Các địa phương ưu tiên đóng vai trò trung gian, định hướng tăng cường hỗ trợ nông dân để thực hiện liên doanh, liên kết mở rộng diện tích sản xuất bao tiêu sản phẩm hàng hóa cây trồng vụ Đông.

Tiếp tục tổ chức khảo nghiệm, sản xuất thử các giống cây trồng mới có năng suất cao, chất lượng tốt theo đề nghị của các tổ chức, cá nhân và quy định của nhà nước. Các tổ chức, cá nhân muốn đưa giống mới vào khảo nghiệm, sản xuất thử trên địa bàn tỉnh Nghệ An phải có văn bản gửi xin ý kiến và chỉ được thực hiện sau khi có ý kiến đồng ý của Sở Nông nghiệp và PTNT; Trong văn bản đề nghị phải nêu rõ đặc tính của giống, quy mô, địa điểm dự kiến khảo nghiệm, sản xuất thử để Sở Nông nghiệp và PTNT thông báo cho UBND các huyện, thành, thị phối hợp theo dõi, quản lý. Đồng thời, phải thực hiện nghiêm túc các quy định hiện hành của nhà nước về quản lý giống cây trồng và phải có cam kết đền bù sản lượng cho nông dân nếu như xảy ra tình trạng mất mùa do giống gây ra.

Chú ý: Trên cơ sở khung thời vụ và các giống nêu trong Đề án, tùy vào điều kiện cụ thể của từng địa phương, từng vùng và diễn biến mưa lũ để các địa phương xem xét, tính toán có kế hoạch gieo trồng sát với tình hình thực tế vừa giảm thiểu được thiệt hại do mưa lũ, vừa đảm bảo cho năng suất cao và không ảnh hưởng đến kế hoạch gieo trồng cây trồng vụ Xuân 2020.

Riêng đối với ngô trên đất 2 lúa kể cả ngô trồng lấy hạt và ngô làm thức ăn chăn nuôi phải thu hoạch trước 20 tháng 01 năm sau để kịp giải phóng đất cho sản xuất lúa vụ Xuân 2020.

3.2.2. Đảm bảo mật độ thích hợp cho từng loại giống và chân đất

- *Cây ngô*: Tùy vào từng giống, điều kiện đất đai, hình thức canh tác để có khoảng cách cho phù hợp, đảm bảo mật độ: Ngô lấy hạt 60.000 - 65.000 cây/ha đối

với đất màu, bãi và trên 55.000cây/ha đối với đất 2 lúa. Ngô làm thức ăn chăn nuôi từ 65.000 - 75.000 cây/ha đối với đất màu, bãi và 65.000 cây/ha đối với đất 2 lúa.

- Cây lạc Thu Đông: Mật độ 30 - 35cây/m² và 100% diện tích phải áp dụng phủ nilon.

- Cây Khoai lang: Mật độ 42.000 - 45.000 cây/ha trên đất màu bãi và 38.000-40.000 cây/ha trên đất lúa.

- Cây khoai tây: Mật độ 50.000 - 55.000 cây/ha.

- Cây rau các loại: Tùy vào từng loại rau mà gieo trồng với mật độ thích hợp theo khuyến cáo của nhà sản xuất giống.

3.2.3. Đầu tư phân bón cân đối, hợp lý

Bón đủ, bón đúng theo hướng dẫn của quy trình thâm canh từng giống đảm bảo cho cây sinh trưởng, phát triển tốt để khai thác tối đa tiềm năng năng suất của các giống. Do đặc thù của sản xuất vụ Đông ở Nghệ An thường xảy ra nhiều đợt mưa lớn, kéo dài, vì vậy sử dụng phân bón cân lưu ý:

- Thực hiện nguyên tắc bón phân cân đối, tăng cường sử dụng phân bón hữu cơ giúp cây trồng sinh trưởng, phát triển khoẻ chống chịu tốt với điều kiện bất lợi của ngoại cảnh.

- Để giảm hiện tượng mất phân do mưa lớn đối với các loại cây trồng, chọn thời điểm bón tùy theo điều kiện thời tiết trong từng thời điểm, từng chân đất và đối tượng cây trồng cụ thể theo quy trình từng cây.

- Sử dụng các chế phẩm hữu cơ sinh học bổ sung phân bón cho cây trồng.

3.2.4. Phòng trừ sâu bệnh hại

Trong suốt cả quá trình sản xuất vụ Đông phải thường xuyên kiểm tra các loại sâu bệnh hại để có biện pháp phòng trừ kịp thời.

- Trên ngô: Tập trung phòng trừ sâu keo mùa thu ngay từ khi sâu đang ở tuổi 1-2, ngoài ra thường xuyên chú ý các đối tượng khác như chuột, cáo cáo, châu chấu, sâu xám gây hại, ...

- Trên lạc: Chú ý phòng trừ sâu xám, rệp và đặc biệt là sâu khoang, sâu xanh.

- Trên cây rau đậu các loại: Chú ý phòng trừ sâu xanh, sâu tơ, rệp, bệnh héo xanh vi khuẩn, lở cổ rễ, đốm lá, thán thư, bệnh xoắn lá cà chua,...

Tăng cường các biện pháp phòng trừ tổng hợp theo hướng sản xuất rau an toàn theo VietGAP, hữu cơ, hạn chế sử dụng thuốc BVTV, ưu tiên sử dụng các loại thuốc có nguồn gốc sinh học để phòng trừ và chỉ được sử dụng các loại thuốc có trong danh mục thuốc được phép sử dụng trên rau.

3.2.5. Thực hiện tốt việc tưới nước và thoát nước tiêu úng

- Đối với cây trồng vụ Đông phải chú ý khâu thoát nước để chống úng cục bộ, trong đó cần quan tâm nhất là lạc, rau màu và một số vùng ngô trên đất 2 lúa.

- Giải quyết tốt nhu cầu nước tưới cho cây rau và ngô trên đất 2 lúa (nhất là thời kỳ ngô trổ cờ, phun râu).

- Đối với nuôi cá ruộng lúa vụ 3 cần theo dõi tình hình mưa lũ và mực nước trong ruộng để điều chỉnh thích hợp cho cá phát triển tốt.

3.3. Giải pháp cơ chế chính sách

- Thực hiện đầy đủ các chính sách của Chính phủ và UBND tỉnh về hỗ trợ đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Nghệ An và các chính sách khác về hỗ trợ khắc phục thiên tai, phòng trừ dịch bệnh của UBND tỉnh:

+ Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND ngày 05 tháng 6 năm 2017 về việc quy định chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

+ Quyết định số 08/2015/QĐ-UBND ngày 22/01/2015 của UBND tỉnh “ban hành quy định một số chính sách đặc thù khuyến khích Doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2015 – 2020”.

+ Nghị quyết số 14/2017/NQ-HĐND ngày 20/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh và Quyết định số 15/2018/QĐ-UBND ngày 30/3/2018 của UBND tỉnh Nghệ An ban hành quy định về việc thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Nghệ An theo Nghị quyết số 14/2017/NQ-HĐND ngày 20/12/2017.

+ Nghị Quyết số 13/2018/NQ-HĐND ngày 12/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An về việc quy định về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn.

- Ngoài chính sách của tỉnh đề nghị UBND các huyện, thành, thị cần chủ động trích ngân sách địa phương, khai thác tối đa mọi nguồn lực để thực hiện các chính sách của địa phương, hỗ trợ nông dân đầu tư phát triển sản xuất, đặc biệt là mở rộng mô hình có hiệu quả tại địa phương.

- Trong sản xuất vụ Đông 2019, Sở Nông nghiệp & PTNT đã trình UBND tỉnh xem xét hỗ trợ kinh phí giá giống ngô, rau các loại trên đất lúa và kinh phí hỗ trợ diện tích trồng ngô chuyển gen phòng trừ sâu keo mùa thu trên cây ngô nhằm đảm bảo sản xuất vụ Đông thắng lợi.

3.4. Giải pháp về tổ chức sản xuất

Đề sản xuất vụ Đông theo hướng sản xuất hàng hóa đảm bảo an toàn, hiệu quả; Diện tích sản xuất vụ Đông được bao tiêu sản phẩm, ổn định đầu ra cần thực hiện tốt các vấn đề sau:

3.4.1. Sở Nông nghiệp và PTNT

- Thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước trên địa bàn Tỉnh về nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Phối hợp với các ngành, các địa phương, các tổ chức trong việc chỉ đạo thực hiện có hiệu quả Đề án sản xuất vụ Đông. Thành lập các đoàn kiểm tra, chỉ đạo việc sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp, nông sản phẩm theo chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và PTNT và UBND tỉnh.

- Chỉ đạo các đơn vị chuyên môn của Sở và các đơn vị ngành hàng liên quan thực hiện tốt một số nhiệm vụ sau:

*** Chỉ cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật:**

- Phối hợp với các địa phương tuyên truyền; kiểm tra, cập nhật tình hình sản xuất, tình hình dịch hại cây trồng để tham mưu kịp thời các giải pháp trong chỉ đạo sản xuất đạt hiệu quả.

- Quản lý công tác sản xuất, kinh doanh giống cây trồng, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật phục vụ sản xuất vụ Đông trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng và đề xuất các phương án khắc phục thiệt hại nếu xảy ra thiên tai bão lụt, hạn hán, dịch bệnh cây trồng.

- Xây dựng phương án phòng chống dịch hại bảo vệ sản xuất vụ Đông gửi các địa phương làm cơ sở tổ chức thực hiện.

- Thường xuyên kiểm tra, dự tính, dự báo tình hình sâu bệnh hại trên đồng ruộng. Phối hợp với chính quyền địa phương các cấp và thông qua các phương tiện thông tin đại chúng để tuyên truyền phổ biến, chỉ đạo nông dân tổ chức phòng trừ kịp thời, hiệu quả, không để dịch hại lây lan trên diện rộng gây thiệt hại đến sản xuất.

- Phối hợp với các cấp chính quyền và các ban ngành liên quan tham mưu các giải pháp tổ chức triển khai, cơ chế chính sách trong tổ chức liên kết giữa 3 nhà (Nhà nước, nhà nông và doanh nghiệp bao tiêu sản phẩm).

*** Trung tâm Khuyến nông:**

- Tổ chức tuyên truyền Đề án sản xuất cây trồng vụ Đông, hướng dẫn các biện pháp kỹ thuật để sản xuất thâm canh cây trồng vụ Đông đến tận người sản xuất.

- Có kế hoạch để phối hợp với các địa phương chỉ đạo mở rộng các mô hình cây trồng vụ Đông có hiệu quả kinh tế cao như: Mướp đắng, đậu lầy quả, dưa lưới, bí xanh, hành tằm, ngô thức lấy thân lá làm thức ăn cho bò, ngô liên kết hàng hóa, cá vụ 3, ... và các tiến bộ kỹ thuật khác.

*** Trung tâm Giống cây trồng:**

Phối hợp với các cơ quan Trung ương, các đơn vị để tổ chức khảo nghiệm, sản xuất thử và theo dõi đánh giá kết quả một số giống cây trồng ngô, lạc, rau đậu các loại, để sớm có kết luận tham mưu cho Sở về thời vụ sản xuất trong những năm tới.

*** Chỉ cục Thủy lợi:**

- Tổ chức thực hiện nhiệm vụ chiến dịch toàn dân ra quân làm thủy lợi nhân ngày 16/10 hàng năm đúng yêu cầu, thiết thực.

- Tiêu úng cho cây trồng vụ Đông khi có mưa bão lớn.

- Tưới cho các vùng rau, ngô thâm canh.

*** Chỉ cục Phát triển nông thôn:**

- Tăng cường công tác quản lý, tập huấn để nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của các HTX nông nghiệp kiểu mới.

- Hỗ trợ, khuyến khích các HTX tăng cường liên doanh, liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm.

- Hướng dẫn chỉ đạo triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị Quyết số 13/2018/NQ-HĐND ngày 12/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An về việc quy định về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn.

** Chi cục Thủy Sản:*

Tăng cường kiểm tra chất lượng đàn cá giống trên địa bàn tỉnh, chỉ đạo Trung tâm giống thủy sản Nghệ An, Cty CP Giống Thủy sản nghệ An, HTX Nuôi trồng thủy sản Đô Lương và các cơ sở sản xuất giống khác cần có kế hoạch ương giống từ cá hương lên cá giống đảm bảo về chất lượng, kích cỡ và số lượng phục vụ nhu cầu cho người nuôi. Số lượng cá giống phục vụ thả nuôi cá lúa vụ 3 khoảng 2,7 triệu con, kích cỡ 3 - 5 con/kg.

** Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản:*

Tập trung chỉ đạo xây dựng thành công các chuỗi cung cấp thực phẩm an toàn để giới thiệu và nhân rộng, giúp sản xuất đạt hiệu quả cao. Tăng cường công tác kiểm tra giám sát, hướng dẫn thực hiện sản xuất an toàn nhất là các sản phẩm rau, củ, quả,...

** Các đơn vị khác thuộc Sở:* Căn cứ chức năng nhiệm vụ của mình để triển khai, thực hiện góp phần vào thắng lợi sản xuất vụ Đông 2019.

3.4.2. UBND các huyện, thành, thị

- Trên cơ sở Đề án sản xuất cây trồng vụ Đông 2019 của Sở Nông nghiệp và PTNT, căn cứ vào đặc điểm địa hình, đất đai, khí hậu và trình độ thâm canh, ... của địa phương mình để xây dựng Đề án sản xuất vụ Đông cụ thể, sát với thực tế địa phương nhằm phát huy tối đa các lợi thế sẵn có. Đề án phải có tinh thần tiên công, chủ động, vượt trội so với chỉ tiêu kế hoạch của Tỉnh.

- Tổ chức chỉ đạo sản xuất một cách quyết liệt để hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

- Tổ chức chỉ đạo diệt chuột bảo vệ cây vụ Đông ngay từ đầu vụ, đặc biệt đối với cây ngô cần chú ý phòng trừ sâu keo mùa thu.

- Phân công cán bộ lãnh đạo và cán bộ chuyên môn xuống tận cơ sở để chỉ đạo thực hiện, lấy kết quả chỉ đạo sản xuất vụ Đông 2019 làm cơ sở để xem xét công tác thi đua khen thưởng cuối năm.

- Theo dõi diễn biến thời tiết và có các biện pháp phòng chống trong mùa mưa bão; thống kê tổng hợp tình hình thiệt hại, báo cáo Chi cục Trồng trọt và BVTV để tham mưu Sở Nông nghiệp và PTNT phương án xử lý kịp thời.

- Triển khai nuôi cá lúa vụ 3 đảm bảo kế hoạch đề ra đồng thời theo dõi nắm bắt tình hình nuôi trồng trên địa bàn quản lý và có các biện pháp phòng chống trong mùa mưa bão. Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về lợi ích của việc nuôi cá lúa vụ 3 và tác hại của việc sử dụng kích điện đánh bắt trộm trên vùng nuôi.

- Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước và công tác chỉ đạo sản xuất ở địa phương như: Quản lý việc cung ứng vật tư nông nghiệp như: giống cây trồng, phân bón, thuốc BVTV... của các tổ chức, cá nhân theo các quy định của nhà nước. Chọn đối tác đủ điều kiện theo quy định của nhà nước để ký hợp đồng cung ứng giống, vật tư, phân bón đảm bảo chất lượng phục vụ sản xuất trên địa bàn, yêu cầu các đơn vị cung ứng giống phải bảo hành chất lượng cho nông dân và có trong cơ cấu giống của tỉnh.

- Thường xuyên phối hợp chặt chẽ và tạo điều kiện thuận lợi cho các phòng, ban, cơ quan chuyên môn của Sở Nông nghiệp và PTNT thực hiện tốt các nhiệm vụ chỉ đạo sản xuất vụ Đông ở địa phương.

- Tăng cường công tác xúc tiến đầu tư, tìm kiếm, hỗ trợ mở rộng các mô hình liên kết sản xuất bao tiêu sản phẩm cây trồng vụ Đông để phát huy hiệu quả sản xuất, tăng thu nhập cho người nông dân.

- Tổ chức nạo vét, tu sửa các kênh mương nội đồng để đảm bảo việc tiêu thoát nước mặt ruộng.

- Định kỳ báo cáo tiến độ sản xuất về Sở Nông nghiệp và PTNT (qua Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật Nghệ An) vào sáng thứ 4 hàng tuần để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh và Cục Trồng trọt - Bộ Nông nghiệp và PTNT.

3.4.3. Các đơn vị cung ứng, doanh nghiệp, HTX

- Các đơn vị cung ứng giống và vật tư, phân bón, Thuốc BVTV: Căn cứ vào Đề án sản xuất của Sở Nông nghiệp và PTNT để chủ động ký hợp đồng và chuẩn bị đủ giống, phân bón, nilon, ... đảm bảo chất lượng, đúng cơ cấu đã được phê duyệt trong Đề án này, cung ứng kịp thời phục vụ tốt nhất cho sản xuất.

- Các doanh nghiệp, HTX bao tiêu sản phẩm cần tăng cường mở rộng các mô hình liên kết và bao tiêu các sản phẩm cây trồng vụ Đông với nông dân hoặc tổ chức đại diện nông dân như Hợp tác xã để ổn định đầu ra, nâng cao hiệu quả sản xuất.

3.4.4. Các ngành và đoàn thể

- Sở Tài chính: Tạo điều kiện cấp ứng kịp thời kinh phí hỗ trợ theo chính sách hỗ trợ của UBND Tỉnh.

- Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT: Tạo mọi điều kiện thuận lợi, đơn giản cho nông dân được vay đủ vốn để phục vụ sản xuất.

- Đối với các đoàn thể quần chúng: Hội nông dân, Tỉnh đoàn thanh niên, Tỉnh hội phụ nữ, Hội cựu chiến binh, ... với chức năng, nhiệm vụ chính trị của mình xây dựng chương trình hành động thiết thực để lãnh đạo các cấp hội vận động hội viên, đoàn viên tham gia thực hiện tốt kế hoạch sản xuất vụ Đông 2019.

3.4.5. Các cơ quan thông tin đại chúng

Đề nghị Đài phát thanh - Truyền hình tỉnh, Báo Nghệ An và các cơ quan thông tấn báo chí đóng trên địa bàn giành thời lượng ưu tiên cho công tác tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách, các tiến bộ khoa học kỹ thuật và tình hình diễn biến sâu bệnh hại cây trồng,... đến người dân một cách nhanh nhất, hiệu quả nhất. Tăng cường thông tin trên đài phát thanh - truyền hình huyện, đài truyền thanh các xã phường, thị trấn về sản xuất vụ Đông. Đồng thời, phối hợp tốt hơn nữa với cơ quan khí tượng, thủy văn để nắm bắt và thông tin kịp thời các nguy cơ về thiên tai để người dân né tránh. Phối hợp với các cấp, các ngành kịp thời phản ánh những đơn vị, địa phương, cá nhân làm tốt và những địa phương, đơn vị, cá nhân làm chưa tốt.

IV. ĐỀ NGHỊ

1. Đề nghị UBND tỉnh có **chính** sách hỗ trợ, chia sẻ với nông như: Hỗ trợ giá giống ngô, rau các loại trồng trên đất lúa, hỗ trợ trồng giống ngô chuyển gen để phòng trừ sâu keo hại ngô vụ Đông 2019.

2. Đề nghị cấp ủy, các đoàn thể và chính quyền các địa phương vào cuộc quyết liệt, thường xuyên như: Ban hành các văn bản chỉ đạo; Thành lập ban chỉ đạo sản xuất vụ Đông; Đồng thời trích ngân sách huyện để khuyến khích, chia sẻ với nông dân trong sản xuất.

Trên đây là những nội dung chính của Đề án sản xuất cây trồng vụ Đông 2019. Sở Nông nghiệp và PTNT rất mong nhận được sự chỉ đạo sát sao của Tỉnh ủy, HĐND, UBND Tỉnh, các Đoàn thể, UBND Tỉnh, sự phối hợp tạo điều kiện của các ngành, các huyện, thành, thị và sự hưởng ứng nhiệt tình của bà con nông dân trên toàn Tỉnh nhằm mục tiêu đạt được kết quả cao trong vụ Đông 2019. /

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và PTNT (để báo cáo);
- Tỉnh ủy, HĐND, UBND Tỉnh (để báo cáo);
- Đ/c Đinh Việt Hồng PCT UBND Tỉnh (để báo cáo);
- Các Sở, ban, ngành cấp Tỉnh (để phối hợp);
- Lãnh đạo Sở (để chỉ đạo);
- UBND các huyện, thành, thị (để triển khai);
- Các cơ quan thông tin đại chúng (để theo dõi, đưatin);
- Các đơn vị liên quan (để thực hiện);
- Các phòng, ban của Sở NN&PTNT (để thực hiện);
- Lưu VT, QLKT&KHCV, TT&BVTV.

GIÁM ĐỐC



Hoàng Nghĩa Hiếu

ST. 52

THE

THE



THE

THE

THE

THE

THE

THE

THE

THE

THE

THE

Phụ lục 1a:

KẾT QUẢ SẢN XUẤT VỤ ĐÔNG 2018

TT	Chi tiêu	ĐVT	Vụ Đông 2017	Vụ Đông 2018	So sánh vụ Đông 2018 so với vụ Đông 2017		Kết quả vụ Đông 2018 so với Kế hoạch	
					Tăng (+), giảm (-)	%	Tăng (+), giảm (-)	%
1	Cây Ngô							
1.1	Diện tích ngô hạt	ha	18.610,9	18.767,3	156,4	100,84	-4.232,7	81,60
	Năng suất	tạ/ha	43,19	44,98	1,79	104,14	-0,02	99,96
	Sản lượng	tấn	80.381,6	84.421,4	4.039,9	105,03	-2.428,6	97,20
1.2	Diện tích ngô sinh khối làm thức ăn cho bò	ha	3.396,4	4.096,9	700,5	120,62	-7.796,9	110,73
2	Cây lạc							
	Diện tích	ha	1.266,8	1.359,6	92,8	107,33	-40,4	97,11
	Năng suất	tạ/ha	20,03	22,20	2,17	110,83	1,2	105,71
	Sản lượng	tấn	2.537,3	3.018,6	481,3	118,97	78,6	102,67
3	Rau các loại							
	Diện tích	ha	11.836,1	12.264,6	428,6	103,62	264,6	102,21
	Năng suất	tạ/ha	140,28	140,71	0,43	100,31	-4,3	97,04
	Sản lượng	tấn	166.038,9	172.567,6	6.528,8	103,93	-1.432,4	99,18
4	Cây Khoai lang							
	Diện tích	ha	1.860,0	1.712,0	-148,0	92,04	-388,0	81,53
	Năng suất	tạ/ha	61,72	63,76	2,04	103,31	-1,2	98,09
	Sản lượng	tấn	11.479,3	10.916,0	-563,3	95,09	-2.734,0	79,97

Phụ lục 1b:

KẾT QUẢ SẢN XUẤT CÁC CÂY TRỒNG VỤ ĐÔNG 2018 CỦA CÁC HUYỆN, THÀNH, THỊ

TT	Toàn tỉnh	Diện tích các cây trồng vụ Đông 2018 (ha)										Số sản phẩm vụ Đông 2017 so với KH (%)					
		Ngô		Trồng ngô trên đất 2 lúa		Lạc		Rau các loại		Cây khoai lang		Ngô	Trồng ngô trên đất 2 lúa	Lạc	Rau các loại	Cây khoai lang	
		DT gieo trồng	Kế hoạch	DT đã gieo trồng	Kế hoạch	DT gieo trồng	Kế hoạch	DT gieo trồng	Kế hoạch	DT gieo trồng	Kế hoạch						
		18.767,26	23.000,0	2.756,5	4.000,0	1.359,6	1.400,0	12.264,6	12.000,0	1.712,0	2.100,0	81,60	68,91	97,11	102,21	81,53	
1	Diễn Châu	1.911,9	2.200,0	48,6	300,0	812,2	600,0	882,6	1.000,0	140,6	-	86,90	16,20	135,37	88,26	0,00	
2	Yên Thành	944,7	1.250,0	450,0	700,0	21,5	40,0	1.355,1	1.300,0	111,1	250,0	75,58	64,29	53,75	104,24	44,44	
3	Quỳnh Lưu	846,8	900,0	260,0	280,0	52,5	60,0	1.670,8	1.800,0	272,0	340,0	94,09	92,86	87,52	92,82	80,01	
4	TX Hoàng Mai	284,0	250,0	55,0	80,0	24,4	30,0	657,4	650,0	99,2	80,0	113,60	68,75	81,20	101,14	124,05	
5	Nghi Lộc	1.171,3	2.650,0	400,0	650,0	187,4	400,0	680,9	750,0	78,4	120,0	44,20	61,54	46,85	90,79	65,33	
6	Nam Đàn	2.341,6	2.600,0	300,0	450,0	22,6	40,0	1.664,8	1.600,0	169,0	200,0	90,06	66,67	56,50	104,05	58,28	
7	H/Nguyên	205,8	250,0		50,0	-	-	552,6	500,0	27,0	80,0	82,32	0,00	0,00	110,52	33,75	
8	Đô Lương	1.377,7	1.500,0	270,0	480,0	109,1	150,0	639,6	800,0	143,3	150,0	91,85	56,25	72,73	79,95	95,55	
9	TP Vinh	135,5	100,0		-	21,7	50,0	254,9	120,0	33,0	5,0	135,50	0,00	43,40	212,38	660,00	
10	TX Cửa Lò	46,5	50,0		-	5,0	-	70,7	60,0	35,0	60,0	93,00	0,00	0,00	117,83	58,33	
11	Th/Chương	3.482,0	3.500,0	215,0	150,0	-	-	771,0	750,0	195,0	200,0	99,49	143,33	0,00	102,80	97,50	
12	Tân Kỳ	1.083,0	1.700,0		-	-	-	546,0	500,0	74,4	-	63,71	0,00	0,00	109,20	0,00	
13	Nghĩa Đàn	508,1	1.200,0	0,0	-	-	-	481,1	480,0	46,7	200,0	42,34	0,00	0,00	100,23	23,35	
14	TX Thái Hoà	186,4	250,0	0,0	-	-	-	149,4	150,0	5,8	5,0	74,56	0,00	0,00	99,60	116,00	
15	Quý Hợp	461,0	650,0	237,5	300,0	9,5	-	414,5	350,0	83,0	105,0	70,92	79,17	0,00	118,43	79,05	
16	Quý Châu	232,2	260,0	22,5	15,0	12,2	30,0	314,2	300,0	38,2	60,0	89,30	150,00	40,67	104,72	63,67	
17	Quý Phong	229,0	40,0	0,0	-	65,0	-	255,0	250,0	33,0	20,0	550,00	0,00	0,00	102,00	165,00	
18	Anh Sơn	2.530,0	2.800,0	338,0	350,0	-	-	394,0	160,0	57,0	70,0	90,36	96,57	0,00	246,25	81,43	
19	Con Cuông	611,7	700,0	0,0	45,0	9,0	-	272,9	280,0	61,2	65,0	87,39	0,00	0,00	97,46	94,15	
20	T/Dương	187,1	150,0	159,9	150,0	7,5	-	237,2	200,0	9,0	-	124,73	106,60	0,00	118,60	0,00	
21	Kỳ Sơn	-	0		0,0	0,0	0	0,0	0	0	0	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	

Phụ lục 1c. CÁC MÔ HÌNH CÓ HIỆU QUẢ TRONG VỤ ĐỒNG 2018

TT	Địa điểm	Tên mô hình sản xuất	Diện tích (ha)	Lãi thu được(triệu đồng/ha)	Liên kết sản xuất
1	Các xã Diên Hùng, Hoàng Lâm, Diên Trung...- huyện Diên Châu	Ngô sinh khối	500	15-20	Liên kết với Công ty TH True Milk
	xã Diên Hoàng, Diên Lộc, Diên Bình,...- huyện Diên Châu	Bí xanh	24,4	90	
	Các xã Diên Hoàng, Diên Xuân Diên An, Diên Lộc, Diên Xuân, Diên Cát....- huyện Diên Châu	Dưa chuột	57	90	
	Các xã Diên Hoàng, Diên Phong - huyện Diên Châu	Khoai tây	45	80	
2	Xã Minh Thành - Yên Thành	Dưa chuột, mướp đắng	15	80-90	
	Xác xã: Quang Thành, Lý Thành, Viên Thành, Hùng Thành, Minh Thành - huyện Yên Thành	Ngô sinh khối	85	15-20	Liên kết với Công ty TH True Milk
	Các xã Liên Thành, Mỹ Thành - huyện Yên Thành	Ngô nếp hàng hóa	22	35-40	
	Xã Tiến Thành- huyện Yên Thành	Khoai lang	5	25-35	
3	Xã Tân Sơn - huyện Quỳnh Lưu	Các loại rau quả	60	100	
	Xã An Hòa- huyện Quỳnh Lưu	Ngô nếp hàng hóa	20	40	
	Xã Quỳnh Giang- huyện Quỳnh Lưu	Mướp hương	01	400	

	Xã An Hòa - huyện Quỳnh Lưu	Ớt cay	01	200	
4	Các xã Nghĩa Thịnh, Nghĩa Thắng, Nghĩa Hưng, Nghĩa Khánh, Nghĩa Lâm,... - huyện Nghĩa Đàn	Ngô sinh khối	800	30	Liên kết với Công ty TH True Milk
5	Xã Nghi Đức - TP Vinh	Nấm ăn	200 m ²	80 triệu/MH	
	Xã Nghi Kim - TP Vinh	Rau củ quả nhà lưới theo tiêu chuẩn VietGAP	1.000m ²	10 triệu/MH	
	Xã Nghi Liên - TP Vinh	Rau an toàn	09	70-80	Liên kết với doanh nghiệp Bibi Green
	Xã Nghi Liên - TP Vinh	Măng tây	02	65-70	Liên kết với nông trại Green Farm
6	Xã Nghĩa Thuận - TX Thái Hòa	Dưa chuột, bí xanh	30	60	
7	Xã Lưu Sơn - Đô Lương	Rau các loại	32	80-120	
8	Huyện Quế Phong	Rau các loại	47,2	27,5	
9	Xã Nam Phúc - Nam Đàn	Dưa chuột	1.000m ²	30 triệu/MH	
10	Xã Nghi Thuận - Nghi Lộc	Dưa chuột, rau củ	30	80-90	
	Xã Nghi Thuận, Nghi Lâm - Nghi Lộc	Hành tằm và rau cải xen	50	80-100	
	Xã Nghi Long - Nghi Lộc	Hoa ly nhà màng	3.500m ²	60 triệu/sào	
	Xã Nghi Long - Nghi Lộc	rau, củ quả	40	90-100	

KẾ HOẠCH DIỆN TÍCH CÁC CÂY TRỒNG VỤ ĐÔNG 2019 CỦA CÁC HUYỆN, THÀNH, THỊ

TT	Toàn tỉnh	Cây ngô (ha)				Cây lạc (ha)	Cây rau đậu các loại (ha)		Khoai lang (ha)	Khoai tây (ha)	Cá vụ 3 (ha)
		Tổng DT	Trong đó		Tổng DT		Trong đó DT rau trên đất lúa				
			DT Ngô trên đất 2 lúa	Ngô lấy thân lá làm thức ăn cho bò							
		22.000,0	4.220,0	5.000,0	1.400,0	12.500,0	1.460,0	1.800,0	80,0	2.785,0	
1	Diễn Châu	2.000	200	700	700	1.300	377	50		386	
2	Yên Thành	1.300	500	200	55	1.300	300	150		150	
3	Quỳnh Lưu	950	200	395	90	1.800	250	310	10	200	
4	TX Hoàng Mai	290	60	25	30	670	70	60	35	30	
5	Nghi Lộc	2.000	800	400	200	920					
6	Nam Đàn	2.600	476	370	30	1.600		230		407	
7	H/Nguyên	250	50			400	90	50	10	600	
8	Đô Lương	1.750	450	100	150	500	230	270		250	
9	TP Vinh	100	1		50	100	16	5		10	
10	TX Cửa Lò	70			5	55		70			
11	Th/Chương	3.400	200	250	0	700	5	150		450	
12	Tân Kỳ	690	0	200	0	580	0	0		72	
13	Nghĩa Đàn	1.500	200	800	0	500	30	200			
14	TX Thái Hoà	250	0	150	0	150	40	5		0	
15	Quỳ Hợp	800	526	355		450		125			
16	Quỳ Châu	330	30	20	55	350	2				
17	Quế Phong	40	0	0	0	250	0	20		0	
18	Anh Sơn	2.600	347	800	15	380	30	55	25	230	
19	Con Cuông	880	30	135	15	245	5	50			
20	T/Dương	200	150	100	5	250	15				
21	Kỳ Sơn										

Phụ lục 03: Danh sách các giống ngô được Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhận chính thức và đã đưa vào sản xuất trong vụ Đông tại Nghệ An

TT	Tên giống	Thời gian sinh trưởng vụ Đông (ngày)	Năng suất trung bình (tạ/ha)	Ghi chú
I	GIỐNG CHỦ LỰC			
1	DK6919 S	105 - 110	55-60	Giống chuyển gen
2	NK7328	112 - 117	55-60	Có sinh khối lớn
3	NK 66	110 - 115	55-60	
4	P4199	110 - 115	55-60	
5	DK6919	107 - 110	55-60	
6	VN5885	105 - 110	55-60	
7	CP511	105 - 110	55-60	
8	CP111	105 - 110	55-60	Có sinh khối lớn
9	LVN14	107 - 110	50-55	
10	HN68	65 - 70	45-50	Thu hoạch ăn tươi
II	NGOÀI RA CÓ THỂ SỬ DỤNG CÁC GIỐNG SAU			
1	LVN10	117 - 120	55-60	Vùng đất màu bãi không bị ngập lụt; sản xuất vụ Đông sớm
2	CP888	115 - 120	55-60	Vùng đất màu bãi không bị ngập lụt; sản xuất vụ Đông sớm
3	NK6253	115 - 120	55-60	Vùng đất màu bãi không bị ngập lụt; sản xuất vụ Đông sớm
4	PAC999 Super	115 - 120	50-55	Vùng đất màu bãi không bị ngập lụt; sản xuất vụ Đông sớm
5	30Y87	115 - 120	50-55	Vùng đất màu bãi không bị ngập lụt; sản xuất vụ Đông sớm
6	PAC 339	115 - 120	50-55	Vùng đất màu bãi không bị ngập lụt; sản xuất vụ Đông sớm
7	P 4311	115 - 120	50-55	Vùng đất màu bãi không bị ngập lụt; sản xuất vụ Đông sớm
8	P 4554	115 - 120	50-55	Vùng đất màu bãi không bị ngập lụt; sản xuất vụ Đông sớm
9	PAC139	110 - 115	50-55	
10	DK 6818	110 - 115	50-55	

11	DK 9898	110 - 115	50-55	
12	NK6410	110 - 115	55-60	
13	NK4300	110 - 115	50-55	
14	CP3Q	110 - 115	50-55	
15	NK6639	110 - 115	50-55	
16	NK4300BT/GT	105-115	55-60	Giống chuyển gen
17	AVA3668	105 - 110	50-55	Có sinh khối lớn
18	CP999	105 - 110	50-55	
19	CP811	105 - 110	55-60	
20	DK9955S	105 - 110	55-60	Giống chuyển gen
21	PSC 102	105 - 110	55-60	
22	CP512	105 - 110	55-60	
23	HN45	105 - 110	55-60	
24	B265	105 - 110	55-60	Có sinh khối lớn
25	B528	105 - 110	50-55	
26	LVN61	105 - 110	55-60	
27	AG69	105 - 110	55-60	Có sinh khối lớn
28	PSC 747	100 - 110	55-60	Có sinh khối lớn
29	LVN 152	100 - 110	55-60	Có sinh khối lớn
30	CS71	100 - 110	55-60	
31	LVN17	102 - 110	50-55	
32	LVN 092	95 - 100	50-55	
33	CP333	95 - 100	50-55	
34	CP501S	95 - 100	50-55	Giống chuyển gen
35	B.9698	95 - 100	45-50	
36	B.06	90 - 95	50-55	
37	HN 90	80 - 90	45-50	Thu hoạch ăn tươi
38	Fancy 111	70 - 75	50-55	Thu hoạch ăn tươi
39	MX10	65 - 70	45-50	Thu hoạch ăn tươi
40	MX6	65 - 70	45-50	Thu hoạch ăn tươi
41	HN88	62 - 65	45-50	Thu hoạch ăn tươi
42	Ngô nếp Bạch Long	65 - 70	50-55	Thu hoạch ăn tươi

Ghi chú: Số thứ tự của các giống sắp xếp theo thời gian sinh trưởng

Phụ lục 04: Danh sách các giống ngô được Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhận sản xuất thử và giống khảo nghiệm

TT	Tên giống	Thời gian sinh trưởng vụ Đông (ngày)	Năng suất trung bình (tạ/ha)	Ghi chú
1	GT722	113 - 115	55-60	Công nhận SX thử
2	DK9919 C	110 - 115	50-55	Công nhận SX thử
3	HT 818	110 - 115	50-55	Công nhận SX thử
4	TP 8208	110 - 115	50-55	Công nhận SX thử
5	NSC87	105 - 110	50-55	Công nhận SX thử
6	HN92	80 - 90	45-50	Công nhận SX thử
7	HN86	65 - 70	45-50	Công nhận SX thử
8	NT98	65 - 70	45-50	Công nhận SX thử
9	VH686	65 - 70	45-50	Công nhận SX thử
10	LS 9	60 - 75	45-50	Công nhận SX thử
11	AG500	60 - 65	45-50	Công nhận SX thử